

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2017
KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2017		Kế hoạch năm 2018
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.708.895	3.321.756	3.471.025
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	2.307.409	2.630.913	2.905.404
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	481.000	669.803	547.406
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	1.150.000	1.581.802	1.200.000
II	TIỀN LƯƠNG:				
1	Lao động kế hoạch	Người	92		93
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		84	
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng	6.004	5.793	5.903.383
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng	13.022		15.118
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng		18.950	
6	Năng suất lao động bình quân kế hoạch theo Tổng doanh thu - Tổng CP (chưa có lương)	Tr.đồng/năm	4.364		6.082
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện theo Tổng doanh thu - Tổng CP (chưa có lương)	Tr.đồng/năm		8.224	
8	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng			
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	14.376		16.872
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		19.102	
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng		3.276	
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng		28.518	

Người lập biểu



Nguyễn An Lan Phương

Biên Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Công Đức